

Số: 95/2014/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng
phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào
Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh về phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu; Thông tư số 109/2014/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 113/2014/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 11 về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 3567/STC-GCS ngày 27/12/2014; Báo cáo số 1494/BC-STP ngày 26/12/2014 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBNDTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Chánh, các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo Tin học - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH₂.

Gửi:

- + VB giấy: TP không nhận bản ĐT;
- + Bản ĐT: Các thành phần khác.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

QUY ĐỊNH

Mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo

(Ban hành kèm theo Quyết định số 95/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng chịu phí: Phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất, nhập khẩu, tạm xuất - tái nhập, tạm nhập - tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu, hàng hóa gửi kho ngoại quan qua khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo.

2. Đối tượng không chịu phí: Phương tiện vận tải không chở hàng hóa, xe khách, xe con và xe chở hàng hóa viện trợ, cứu trợ thiên tai, hàng hóa quân sự, xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng.

3. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân có phương tiện ra, vào cửa khẩu thuộc đối tượng chịu phí.

4. Đơn vị tổ chức thu phí: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Chương II
MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ CHỨNG TỪ THU PHÍ**

Điều 3. Mức thu phí

| TT | Phương tiện vận tải chở hàng hóa | Mức thu (đồng/xe/lượt) |
|----|---|---------------------------|
| I | Phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất, nhập khẩu, hàng hóa tạm xuất - tái nhập | |
| 1 | Phương tiện có tải trọng dưới 5 tấn | 40.000 |
| 2 | Phương tiện có tải trọng từ 5 tấn đến dưới 10 tấn | 80.000 |
| 3 | Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20Feet | 160.000 |
| 4 | Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40Feet | 300.000 |

| | | |
|-----------|--|---------|
| II | Phương tiện vận tải chở hàng hóa tạm nhập - tái xuất, hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, hàng hóa gửi kho ngoại quan | |
| 1 | Phương tiện có tải trọng dưới 5 tấn | 160.000 |
| 2 | Phương tiện có tải trọng từ 5 tấn đến dưới 10 tấn | 280.000 |
| 3 | Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20Feet | 600.000 |
| 4 | Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40Feet | 800.000 |

Điều 4. Chứng từ thu phí

1. Đơn vị thu phí phải sử dụng biên lai thu phí theo quy định tại Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

2. Khi thu phí phải cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí; nghiêm cấm việc thu phí không sử dụng biên lai, biên lai không đúng quy định hoặc thu cao hơn mệnh giá ghi trên biên lai, kết thúc năm tài chính phải quyết toán thu theo biên lai (không quyết toán số thu khoán khi đã có biên lai).

Điều 5. Quản lý và sử dụng tiền phí

1. Việc quản lý và sử dụng tiền thu phí được thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 17 Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí, lệ phí; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC; Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đơn vị tổ chức thu phải mở tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” tại Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan thu đóng trụ sở để theo dõi, quản lý tiền phí thu được. Định kỳ, hàng tuần phải gửi số tiền phí đã thu được vào tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” và phải tổ chức hạch toán riêng khoản thu này theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

2. Phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, tổng số tiền thu phí được trích như sau:

- Để lại 10% số tiền phí thu được cho đơn vị thu phí để phục vụ cho công tác thu phí;

- Số tiền phí còn lại (90%) được nộp vào ngân sách Nhà nước và điều tiết vào ngân sách tỉnh.

Điều 6. Chế độ tài chính kế toán

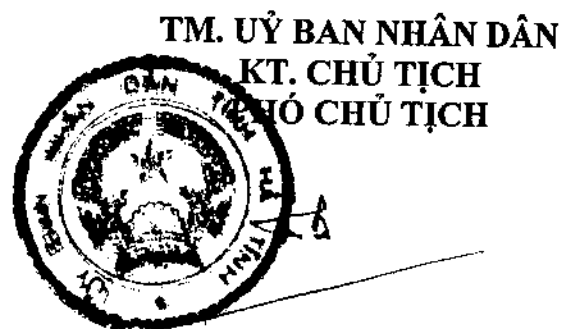
1. Đơn vị tổ chức thu phí phải mở sổ sách, biên lai kế toán theo dõi số thu, nộp và sử dụng tiền phí thu được theo đúng chế độ kế toán, thống kê quy định của Nhà nước.
2. Hàng năm, đơn vị tổ chức thu phí phải căn cứ chế độ quy định của nhà nước lập dự toán thu, chỉ gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức thu theo quy định.
3. Định kỳ phải báo cáo quyết toán việc thu, nộp, sử dụng số tiền thu phí theo quy định của Nhà nước đối với từng loại phí; trường hợp thu các loại phí khác nhau phải theo dõi hạch toán và quyết toán riêng đối với từng loại phí.
4. Đối với tiền phí để lại cho đơn vị tổ chức thu, sau khi quyết toán đúng chế độ, tiền phí chưa sử dụng hết trong năm được phép chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp theo chế độ quy định.
5. Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện niêm yết công khai mức thu phí tại nơi thu phí.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện thu phí theo quy định.
2. Cơ quan thuế nơi đơn vị đóng trụ sở có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc cho các đơn vị thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng biên lai thu tiền phí theo đúng chế độ quy định.
3. Giao cơ quan tài chính phối hợp với cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước và các cơ quan liên quan có trách nhiệm quản lý, kiểm tra thu phí theo đúng quy định.
4. Tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, thu, nộp, sử dụng tiền phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.



Lê Đình Sơn

